

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2016/HC-PT**

Ngày: 27/9/2016

V/v khiếu kiện: “Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hòa Tiến**.

Các Thẩm phán: - Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**.

- Ông **Võ Trung Hiếu**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lâm Hữu Nghĩa**, cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Huỳnh Văn
Hoàng**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2016 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền
Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2016/TLPT-HC ngày 27
tháng 7 năm 2016 về khiếu kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2016/HC-ST ngày 09 tháng 6 năm
2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2016/QĐ-PT ngày
03/08/2016 giữa các đương sự:

** Người khởi kiện:*

1. **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1979

2. **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1982

3. **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1983

4. **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh V, chị M, chị H, anh T: **Võ Trọng K**, sinh
năm 1978.

Địa chỉ: 7/11 Đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

** Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang;**

Đại diện theo ủy quyền: **Trần Văn T1**, sinh năm 1958 chức vụ: phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: ấp C, thị trấn H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1948.
2. **Đỗ Thị N**, sinh năm 1950.
3. **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1970.
4. **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1978.
5. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983.
6. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1985.
7. **Nguyễn Văn V1**, sinh năm 1987.
8. **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1989.
9. **Nguyễn Văn Bé B**, sinh năm 1972.
10. **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền lợi quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Bé H: Luật sư Phạm Ngọc D – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* Người khởi kiện Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T.

(có mặt ông K, ông T, bà Bé H, anh V1 và luật sư; các đương sự còn lại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

** Theo án sơ thẩm, người khởi kiện các anh chị Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T trình bày:*

Cha của các anh chị Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T là ông Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1956, chết năm 2013) là người có quyền sử dụng đất với phần đất diện tích 7.610m², thửa đất số 807, 2717, 1316, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 820123 QĐDD ngày 12/02/1998 cho ông Nguyễn Văn H1.

Nguyễn Văn H1 và bà Huỳnh Thị N1 (sinh năm 1959, chết năm 2003) có các con là Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T.

Năm 1995 ông H1 có cho ông Nguyễn Văn C mượn thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 01, diện tích 1.230m², tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cha mẹ chúng tôi qua đời, chúng tôi là hàng thừa kế của ông H1 cùng thống nhất với nhau đòi lại thửa đất 1316 nêu trên để canh tác nhưng ông Nguyễn Văn C không đồng ý trả.

Sau đó chúng tôi làm đơn yêu cầu UBND xã K giải quyết buộc ông C trả lại phần đất nêu trên thì mới được biết là ngày 01/7/2004 UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 QSDĐ/838/QĐUB.H đối với thửa đất số 1316 tờ bản đồ số 01, diện tích 1.230m² tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Chúng tôi có làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C và yêu cầu ông C trả lại diện tích đất 1230m² gửi đến UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang

Ngày 07/8/2015 Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 3260/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của chúng tôi khiếu nại yêu cầu UBND huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 ngày 01/7/2004 đã cấp cho ông Nguyễn Văn C theo đó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã bác đơn khiếu nại của chúng tôi.

Nay yêu cầu hủy quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 QSDĐ/838/QĐUB.H do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/7/2004 cho ông Nguyễn Văn C. Yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại cho chúng tôi diện tích đất 1230m².

** Người bị kiện chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang trình bày:*

Theo hồ sơ 299 phần đất đang khiếu nại thuộc thửa 833, diện tích 1.190m² loại đất 2L chủ sử dụng là Nguyễn Văn H1 là em ruột cùng mẹ khác cha với ông Nguyễn Văn C.

Theo bản đồ tỉ lệ 1/5000 phần đất đang khiếu nại thuộc thửa 1316 diện tích 1.230m² loại đất 2L (thực tế hiện trạng là đất trồng cây lâu năm) chủ sử dụng là 02 người gồm:

+ ông Nguyễn Văn H1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 820133 ngày 12/02/1998.

+ ông Nguyễn Văn C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 ngày 01/7/2004

Tại trang sổ địa chính đang quản lý tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện, trang 6 chủ sử dụng tên Nguyễn Văn H1 thì thửa 1316(1) diện tích 1.230m² loại đất 2L đến nay chưa biến động, thửa 807(1) đã chuyển mục đích sử dụng đất sang đất CLN được UBND huyện C phê duyệt theo Quyết định số 1186/QĐ-UB ngày 29/8/2001 và đã tặng cho Nguyễn Minh V theo hợp đồng số 10806/49/HDTA được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01940 ngày 22/12/2008. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 chỉ còn thửa 2717(1) diện tích 2.960m² loại đất TQ hiện do các đồng thừa kế của ông H1 sử dụng.

Tại trang số 19 Sổ địa chính đang quản lý thửa 1316, diện tích 1.230m² loại đất 2L (thực tế hiện trạng đất trồng cây lâu năm) được UBND huyện C cấp theo quyết định số 838/QĐUB ngày 01/7/2004 cho ông Nguyễn Văn C chưa có biến động.

Ông Nguyễn Văn C sử dụng đất ít nhất từ năm 1991 liên tục cho đến nay, cụ thể biên lai nộp thuế cây hàng năm ngày 27/7/1991 và nộp thuế liên tục cho đến khi Nhà nước miễn giảm thuế nông nghiệp.

Tại biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai xã K ngày 10/5/2004 tại thứ tự số 09 ghi rõ nguồn gốc sử dụng đất: ông Nguyễn Văn C canh tác từ năm 1975 đến nay, tình trạng tranh chấp, khiếu nại về đất đai không tranh chấp, đồng thời giấy xác nhận của ông Trần Văn K, sinh năm 1947 và ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1942 khẳng định ông Nguyễn Văn C canh tác phần đất từ trước năm 1975 đến nay. Do vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 vào ngày 01/7/2004 cho ông Nguyễn Văn C là đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H1 ngày 12/02/1998 trong khi ông C đang canh tác từ trước năm 1975, như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 là trái với quy định pháp luật, cụ thể khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định “*Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; ông H1 không trực tiếp sản xuất thì không thể nói sử dụng đất ổn định để được cấp giấy, khi chưa có sự đồng ý của ông C.

Đại diện ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện C khẳng định có sơ sót hoặc nhầm lẫn trong việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H1, vì ông H1 đăng ký ngày 12/4/1997, hòa giải tranh chấp đất tại ấp vào ngày 31/10/1997 và UBND xã K hòa giải vào ngày 18/12/1998 có sự tham gia của lãnh đạo huyện C khẳng định giữ nguyên cho ông C canh tác, tuy nhiên vào ngày 12/02/1998 thì ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tức là trong quá trình đất còn đang tranh chấp đã được cấp xã giải quyết đất thuộc quyền sử dụng của ông C, nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1.

Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1316, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.230m² loại đất 2L cho ông H1 là trái pháp luật, tuy nhiên ông H1 đã thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất cho con là anh Nguyễn Minh V vào ngày 26/12/2008. Theo khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “*Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai nếu người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật*”, nên Ủy ban nhân dân huyện C không thể thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1.

Vì vậy đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn C, Đỗ Thị N, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Bé B, Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất trình bày: Năm 1972 ông Nguyễn Văn C có cho má của ông C là bà Nguyễn Thị B1 và em là Nguyễn Văn H1 (em cùng mẹ khác cha) mượn 4 chỉ vàng 24k. Sau 30/4/1975 ông C có nhiều lần đòi lại số vàng cho mượn, nhưng bà B1 và ông H1 không có vàng trả nên đã đưa hơn một công đất ruộng cho ông C làm (trong dãy đất có 5 công ruộng và 01 công vườn). Đất này là tài sản của cha kế, ông C và bà B1 canh tác từ năm 1960 cho đến nay.

Năm 1988 bà B1 và ông H1 đã chính thức đưa 1.200m² đất ruộng cho ông C canh tác để cân trừ 4 chỉ vàng 24kr đã mượn của ông C.

Đến năm 1997 -1998 ông H1 muốn đòi lại đất nên đã đưa ra chính quyền ấp, rồi xã giải quyết, hòa giải, có huyện xuống tham gia. Bà B1 đồng ý giữ nguyên cho ông C, hòa giải mãi rồi ông H1 cũng lặng im. Đến năm 2004 chính quyền xã, rồi huyện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 QSDĐ/838/QĐUB.H do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/7/2004 cho ông Nguyễn Văn C đứng tên đối với diện tích đất 1.230m², thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Số vàng ông C cho mượn đã hơn 40 năm, không lấy lãi, về đất thì đất biên gần kênh làm lúa thất. ông C cải tạo thành đất trồng cây lâu năm đạt năng suất khá. Nếu không C mượn số vàng ấy thì ông C có thể mua được 2,3 công đất vào thời điểm đó. Vì thế không đồng ý việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Bản án số 03/2016/HC-ST ngày 09/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C áp dụng:

Điều 28, 29, 132, 136 Luật tổ tụng hành chính

Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T yêu cầu hủy quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết đơn của 04 người con ông Nguyễn Văn H1 ngụ ấp T, xã K, huyện C khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 QSDĐ/838/QĐUB.H do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/7/2004 cho ông Nguyễn Văn C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21 tháng 6 năm 2016 Nguyễn Minh V; Nguyễn Thị Ngọc M; Nguyễn Thị Kim H; Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T

vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy toàn bộ quyết định số 3260 ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn C. Vì cùng một diện tích đất nhưng lại cấp quyền sử dụng cho hai người. Mặt khác đất đang tranh chấp đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện đã giải quyết là trái thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Bé H phát biểu: Tại phiên tòa đại diện cho người bị kiện đồng ý rút quyết định số 3260, cần ghi nhận. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ các quy định của Luật tổ tụng hành chính; các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện: Sửa toàn bộ án sơ thẩm. Hủy quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C, các đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, nghe các đương sự luật sư trình bày và tranh luận; nghe quan điểm của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Diện tích đất 1.230m² thuộc thửa 1316 (đất 2L, hiện nay là đất trồng cây lâu năm), đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 820123 ngày 12/02/1998 và đến năm 2004 Ủy ban nhân dân huyện C lại tiếp tục cấp cho ông Nguyễn Văn C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 ngày 01/7/2004 (Bút lục 18, 19). Như vậy cùng một thửa đất và cùng một diện tích đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện C lại cấp quyền sử dụng đất cho hai người, là trái với quy định của pháp luật. Vì về mặt pháp lý hiện cả ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn C đều là chủ sử dụng diện tích đất 1.230m² nêu trên. Mặt khác vào năm 1997-1998 khi xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông C và ông H1, Ủy ban nhân dân xã K tổ chức hòa giải vào ngày 18/12/1998 (có đại diện lãnh đạo huyện C tham dự) và thống nhất giữ nguyên hiện trạng đất cho ông Nguyễn Văn C canh tác. Sau khi ông H1 chết, những người thừa kế của ông H1 tiếp tục tranh chấp đòi đất đối với ông C. Tại quyết định hành chính số 3260 ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã nhận định: Thống nhất nguồn gốc đất 1.230m² thuộc thửa 1316 là của ông C (do nhận đất để trừ 04 chỉ vàng mà bà Nguyễn Thị B1 mượn từ năm 1972); Bác yêu cầu của các con ông H1; Đề nghị giảm thửa 1316 diện tích 1.230m² đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1; Giữ nguyên hiện trạng 1.230m² đất vườn cho ông Nguyễn Văn C tiếp tục sử dụng...; Từ trên cơ sở đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã bác đơn của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn H1.

Xét căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 quy định: “Tranh chấp đất đai mà đương sự có giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do tòa án nhân dân giải quyết”. Mặt khác theo nhận định tại quyết định số 3260 ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thì căn cứ sổ mục kê 299 tại Ủy ban nhân dân xã K, diện tích đất đang tranh chấp do ông Nguyễn Văn H1 kê khai, đăng ký. Nên việc nhận định ông Nguyễn Văn C quản lý canh tác đất này từ năm 1975 là mâu thuẫn và không có căn cứ pháp lý. Hơn nữa việc nhận định cho rằng bà Nguyễn Thị B1 và ông Nguyễn Văn H1 thiếu nợ 04 chỉ vàng trước năm 1975 nên cản trở bằng việc giao hơn 1000m² đất cho ông C canh tác nhưng ông C không có chứng cứ chứng minh và bà B1, ông H1 cũng không thừa nhận.

Do đó việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định hành chính số 3260 ngày 07/8/2015 để giải quyết khiếu nại của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C (thực chất là giải quyết tranh chấp đòi quyền sử dụng đất giữa các đồng thừa kế của ông H1 với ông C), là trái thẩm quyền theo quy định nêu trên.

Xét đối với yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 821574 ngày 01/7/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn C, các anh chị Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để tranh chấp đòi quyền sử dụng đất diện tích 1.230m² đối với ông C, đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Xét tại phiên tòa qua phần xét hỏi đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thừa nhận quyết định số 3260 ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là có thiếu sót khi không áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2013 để giải quyết khiếu nại nên đồng ý rút quyết định nêu trên để ban hành quyết định hành chính mới thay thế. Xét việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định hành chính số 3260 để giải quyết tranh chấp đất giữa các đồng thừa kế của ông H1 với ông C là trái thẩm quyền. Nên yêu cầu này không được chấp nhận.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các anh chị V, M, H, T không chấp nhận đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Bé H; Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.
- Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.
- Căn cứ khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các anh chị Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Minh T.

- Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2016/HCST ngày 09/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các anh chị Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Minh T.

1. Hủy toàn bộ quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang không được ban hành quyết định hành chính khác để thay thế quyết định số 3260 đã bị hủy bỏ.

2. Án phí:

- Các anh chị Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Minh T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Đã tạm nộp 200.000 đồng dự phí hành chính sơ thẩm và 200.000 dự phí kháng cáo theo các biên lai thu số 23946 ngày 08/10/2015 và số 24845 ngày 21/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Nên được hoàn lại 400.000 đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa Tiến